

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày: 06-5-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; cư trú tại: Tổ 13, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; cùng cư trú tại: Tổ 13, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 27/9/2018, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T vay chị số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận bằng lời nói thời gian trả nợ 01 (một) tháng, có lập thành văn bản là “Giấy mượn tiền”, mục đích vay tiền để làm giấy tờ đất. Chữ viết, chữ ký trên “Giấy mượn tiền” ghi

ngày 27/9/2018 (ngày 18/8/2018 âm lịch) do ông L, bà T viết và ký tên. Sau khi vay tiền, ông L, bà T không trả nợ gốc đúng thời hạn và hẹn đến ngày 18/10/2018 (âm lịch) sẽ trả lãi, nợ gốc. Chị và ông L, bà T chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản và ông L, bà T không trả lãi, nợ gốc số tiền nào.

Nay chị yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 28/10/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông L, bà T vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông L, bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 173, 174, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nhận thấy nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” do ông L, bà T tự ghi và ký giấy nhận nợ (Bút lục 25). Xét thấy hợp đồng vay tiền giữa chị H và ông L, bà T là có thật, các bên có làm giấy viết tay, ông L, bà T cùng ký tên nhận nợ. Tuy nhiên ông L, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cố tình né tránh, bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho chị H viết về địa chỉ nơi ở mới, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Chị H khởi kiện tại Tòa án nhưng ông L, bà T không có mặt để làm việc, không cung cấp lời khai, ý kiến đối với yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn. Do đó cần căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết tranh chấp.

Chị H yêu cầu ông L, bà T trả số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 28/10/2018 đến khi giải quyết xong vụ án là có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự xem xét, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với ông L, bà T.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T, cùng cư trú tại tổ 13, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và tiền lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, ông L, bà T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản nhưng ông L, bà T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho chị H biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ nơi cư trú của ông L, bà T xác định ông L, bà T vắng mặt nơi cư trú tại tổ 13, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh khoảng 01 (một) năm nên không thể cấp, tổng đạt,

thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho ông L, bà T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L, bà T vắng mặt không có lý do; ông L, bà T có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ các khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm 01 (một) “Giấy mượn tiền” ghi ngày 27/9/2018, nội dung thể hiện bên cho vay chị Nguyễn Thị H, bên vay ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T; số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, tại vị trí người mượn có chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T” và “Đỗ Văn L”. Lời trình bày của chị H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Nội dung “Giấy mượn tiền” ghi ngày 27/9/2018 không thể hiện kỳ hạn trả nợ, tuy nhiên chị H trình bày kỳ hạn trả nợ thỏa thuận bằng lời nói là 01 (một) tháng từ ngày vay 27/9/2018 đến ngày 27/10/2018. Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự giữa chị H và ông L, bà T là hợp đồng vay tài sản không có lãi, có kỳ hạn.

Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay về kỳ hạn trả nợ, địa điểm trả nợ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ “Giấy mượn tiền” ghi ngày 27/9/2018 do chị Nguyễn Thị H cung cấp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

[3.2] Yêu cầu tính lãi: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 28/10/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa chị H và ông L, bà T là hợp đồng vay không có lãi, có kỳ hạn. Căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định “...Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác...”. Chị Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T thỏa thuận kỳ hạn trả nợ là ngày 27/10/2018. Đến hạn nhưng ông L, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị H yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 28/10/2018 là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông L, bà T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi từ ngày 28/10/2018 đến ngày 06/5/2021 số tiền: 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 30 tháng 08 ngày = 5.024.000 (năm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn) đồng. Tổng cộng ông L, bà T có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền gốc và lãi là 20.000.000 đồng + 5.024.000 đồng = 25.024.000 (hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và tiền lãi 5.024.000 (năm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn) đồng, tổng cộng 25.024.000 (hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu 25.024.000 đồng x 5% = 1.251.000 (một triệu hai trăm năm mươi một nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị H không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, tiền lãi 5.024.000 (năm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn) đồng, tổng cộng 25.024.000 (hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông L, bà T còn phải trả cho chị H tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.251.000 (một triệu hai trăm năm mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 603.000 (sáu trăm linh ba nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004778 ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Hải